

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EA SÚP
TỈNH ĐẮK LẮK**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 15/2024/HSST
Ngày 24/12/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EA SÚP, TỈNH ĐẮK LẮK**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Xuân Sơn**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Hồng** và ông **Nguyễn Ngọc Phú**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Đức Nguyên Hoàng** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Đình Phong** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24/12/2024 tại Tòa án nhân dân huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2024/TLST-HS ngày 26/11/2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST- HS ngày 10/12/2024 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Vi Văn H**; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 06 tháng 6 năm 1994, tại tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12;

Con ông Vi Văn L, sinh năm 1973 và bà Lý Thị Q, sinh năm 1970.

Vợ bị cáo là Hoàng Thị L, sinh năm 1993 (đã ly hôn), có 02 con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2016.

Tiền sự; tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 17/5/2022 bị Công an huyện E ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy 5.000.000 đồng, đến nay H chưa chấp hành việc nộp phạt.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2024 hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện E (có mặt).

2. Họ và tên: **Nông Văn V**; Giới tính: Nam;

Sinh ngày 18 tháng 9 năm 1994, tại tỉnh Cao Bằng;

Nơi cư trú: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Nùng; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: Không biết chữ;

Con ông Nông Văn Q và bà Chu Thị C (bố, mẹ không rõ năm sinh).

Anh chị em ruột: Không;

Tiền sự; tiền án: Không;

Nhân thân: Ngày 22/8/2024 bị Ủy ban nhân dân xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk ra Quyết định áp dụng biện pháp quản lý người sử dụng trái phép chất ma túy, thời hạn quản lý là 01 năm, kể từ ngày 22/8/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/8/2024, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện E (có mặt).

+ *Bị hại:*

- Ông **Giàng Mí G**, sinh năm 1999;

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông **Lê Cao T**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Phạm Kim T**

Địa chỉ: TDP Đ, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Bà **Ngô Thị T**, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: Thôn C, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1975;

Địa chỉ: Buôn A, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông **Tô Văn D**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông **Hoàng Văn H**, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn A, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

+ *Người làm chứng:*

- Ông **Hoàng Tồn T**, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 20/8/2024, Nông Văn V gặp và rủ Vi Văn H cùng nhau đi tìm tài sản của người khác để lấy trộm bán lấy tiền tiêu xài, thì H đồng ý. V và H đi bộ đến khu vực Tiểu khu 196, xã E, huyện E thì phát hiện thấy một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, biển kiểm soát 47P1 - 056.79 của ông Giàng Mí G, sinh năm 1999, trú tại thôn A, xã C, huyện E để ở bờ ruộng, không có người trông coi, chìa khóa vẫn để trên xe mô tô, nên cả hai thống nhất lấy trộm chiếc xe mô tô này. Sau khi lấy trộm được xe mô tô H điều khiển, chở V ngồi sau, rồi đi đến một vườn điều của người dân thuộc thôn A, xã C, tại đây H và V tháo biển kiểm soát để tránh sự phát hiện, rồi hai người ngủ lại lán rẫy của người dân, để đợi đến sáng hôm sau, (tức ngày 21/8/2024), V và H

đem xe mô tô đến khu vực xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk bán. V quen biết và đi đến nhà Tô Văn D, sinh năm 1994, trú tại thôn B, xã C, huyện E hỏi D có mua xe mô tô hay không. V nói với D là xe của mình, do không có tiền nên bán. D đồng ý mua chiếc xe mô tô trên với giá 1.000.000 đồng. Sau khi có tiền, V và H chia nhau tiêu xài vào mục đích cá nhân hết.

Kết luận định giá số: 40 ngày 30/8/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện E 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 47P1-056.79, trị giá 5.800.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định: Ngày 26/8/2024, Vi Văn H đột nhập vào lán rẫy của ông Lê Cao T, sinh năm 1968 tại thôn B, xã E, huyện E, trộm cắp 01 bình ắc quy, nhãn hiệu “dongnai”, loại 12V; 01 mô tơ điện, nhãn hiệu “Trần Hưng Đạo”; 01 chiếc cân đồng hồ, nhãn hiệu “Nhơn Hoà”, loại 100kg; 01 máy cưa lốc xích, nhãn hiệu “Huspanda”; 01 bình gas, nhãn hiệu “GIA AN”. Sau khi trộm cắp được, H đem các tài sản trộm được cất giấu phía sau lán. Sau đó, H mượn xe mô tô của một người đàn ông không quen biết đang đi chăn trâu ở khu vực này để chở chiếc máy cưa lốc xích đến cửa hàng anh Phạm Kim T, trú TDP Đ, thị trấn E bán được 500.000 đồng.

Sau đó, H trở về trả lại xe mô tô cho người đàn ông nói trên rồi đi bộ ra đường hướng từ thôn A, xã E đến thôn B, xã E, huyện E thì gặp Hoàng Tồn T, sinh năm 1976, trú tại thôn B, xã E, huyện E. Thấy ông T có xe mô tô nên H nhờ ông T cùng đi với mình để chở tài sản trộm cắp còn lại đi bán, ông T đồng ý. H không nói cho ông T biết đó là tài sản do trộm cắp mà có. Ông T chở H cùng với 01 chiếc bình ắc quy; 01 mô tơ điện; 01 bình gas đến cửa hàng bà Ngô Thị T, sinh năm 1959, trú tại thôn A, xã E, huyện E, bán chiếc bình ắc quy được số tiền 435.000 đồng. Tiếp theo, ông T chở H đến cửa hàng của bà Huỳnh Thị P, sinh năm 1985, trú tại thôn C, xã C, huyện E bán chiếc bình ga được số tiền 230.000 đồng. Ông T tiếp chở H đến cửa hàng bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1975, trú tại Buôn A, thị trấn E, huyện E bán được số tiền 500.000 đồng. (ông T, bà P, bà T, bà L, ông T không biết tài sản do Vi Văn H trộm cắp mà có). Toàn bộ số tiền bán được H tiêu xài vào mục đích cá nhân hết.

Kết luận định giá số: 41 ngày 05/9/2024 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện E: 01 mô tơ điện trị giá 867.000 đồng; 01 bình ga trị giá 243.000 đồng; 01 máy cưa xích trị giá 1.067.000 đồng; 01 bình ắc quy trị giá 767.000 đồng; 01 chiếc cân đồng hồ trị giá 600.000 đồng. Tổng giá trị: 3.544.000 đồng.

- Việc thu giữ, tạm giữ tài liệu, đồ vật; xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện E đã tạm giữ: 01 chiếc xe mô tô, nhãn hiệu HON DA biển kiểm soát 47P1-056.79; 01 mô tơ điện; 01 bình ga; 01 máy cưa xích; 01 bình ắc quy; 01 chiếc cân đồng hồ.

Ngày 08/10/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện E ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Giàng Mí G 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1-056.79. Ông Lê Cao T 01 mô tơ điện; 01 bình ga; 01 máy cưa xích; 01 bình ắc quy; 01 chiếc cân đồng hồ là người quản lý hợp pháp.

- Về phần dân sự: Ông Giàng Mí G, ông Lê Cao T (người bị hại), ông Tô Văn D, bà Ngô Thị T, ông Phạm Kim T, bà Huỳnh Thị P, bà Nguyễn Thị L (là những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan) không yêu cầu bồi thường về phần dân sự.

Tại Bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 25/11/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện E, tỉnh Đắk Lắk truy tố các bị cáo Vi Văn H và Nông Văn V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Vi Văn H và Nông Văn V khai nhận toàn bộ hành vi do bị cáo thực hiện phù hợp với bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp và không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt và không yêu cầu gì về vấn đề dân sự,

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, đánh giá, phân tích tính chất vụ án, những chứng cứ xác định hành vi phạm tội, về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo và giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Vi Văn H và Nông Văn V phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự và đề nghị Hội đồng xét xử:

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Vi Văn H** từ 01 năm 03 tháng tù đến 01 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/8/2024.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nông Văn V** từ 09 tháng tù đến 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/8/2024.

+ Về các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện E ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Giàng Mí G 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1-056.79. Ông Lê Cao T 01 mô tơ điện; 01 bình ga; 01 máy cưa xích; 01 bình ắc quy; 01 chiếc cân đồng hồ là người quản lý hợp pháp.

- Về phần dân sự: Bị hại (ông Giàng Mí G và ông Lê Cao T) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Tô Văn D, bà Ngô Thị T, ông Phạm Kim T, bà Huỳnh Thị P, bà Nguyễn Thị L) không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên không đặt ra để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện E, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện E, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh và hình phạt: Xét lời khai của các bị cáo Vi Văn H và Nông Văn V tại phiên tòa hôm nay phù hợp với nhau, phù hợp với các lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã có đủ cơ sở xác định:

Sáng ngày 20/8/2024 tại tiểu khu 196, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk Nông Văn V rủ Vi Văn H trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, biển kiểm soát 47P1-056.79 của ông Giàng Mí G, trị giá 5.800.000đ (năm triệu tám trăm nghìn đồng).

Vào ngày 26/8/2024 tại thôn B, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk Vi Văn H trộm cắp tài sản của ông Lê Cao T 01 mô tơ điện; 01 bình ga; 01 máy cưa xích; 01 bình ắc quy; 01 chiếc cân đồng hồ, tổng giá trị 3.544.000đ (ba triệu năm trăm bốn mươi bốn nghìn đồng).

Hội đồng xét xử đã đủ cơ sở kết luận: Hành vi của các bị cáo Vi Văn H và Nông Văn V đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự theo như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Súp là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Tại Điều 173. Bộ luật Hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

Xét hành vi do bị cáo thực hiện đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người bị hại và còn làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo hoàn toàn có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi của mình nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi trộm cắp. Xét trong vụ án các bị cáo không có sự bàn bạc phân công để thực hiện tội phạm, thuộc đồng phạm giản đơn. Tuy nhiên, cũng cần xem xét vai trò của các bị cáo trong vụ án để có hình phạt tương xứng.

Đối với bị cáo Vi Văn H khi được Nông Văn V rủ đi trộm cắp là người hưởng ứng, tiếp nhận ý chí tích cực, sau khi thực hiện xong hành vi trộm cắp tài sản của ông Giàng Mí G cùng với Nông Văn V, bị cáo Vi Văn H không dừng lại mà một mình tiếp tục trộm cắp tài sản của ông Lê Cao T, về nhân thân bị cáo Vi Văn H đã từng bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Đối với bị cáo Nông Văn V là người rủ rê lôi kéo Vi Văn H phạm tội, bị cáo Vi Văn V về nhân thân cũng đã

từng bị xử lý hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần xử phạt các bị cáo mức án đủ nghiêm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

[3] Về tình tiết tăng nặng giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

+ Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Bị cáo Vi Văn V không có tình tiết tăng nặng ttrách nhiệm hình sự.

- Bị cáo Vi Văn H phạm tội từ hai lần trở lên nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự;

+ Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Vi Văn H trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị cáo thật thà khai báo, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, quá trình điều tra bị cáo Vi Văn H còn khai ra hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm h, r, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Bị cáo Vi Văn V trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa bị thật thà khai báo, bị cáo phạm tội gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ hình phạt quy định tại các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

Đồng thời các bị cáo Vi Văn H và bị cáo Nông Văn V là người đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, nhận thức hạn chế nên cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[4] Về các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận cơ quan CSĐT Công an huyện E ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Giàng Mí G 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1-056.79. Ông Lê Cao T 01 mô tơ điện; 01 bình ga; 01 máy cưa xích; 01 bình ắc quy; 01 chiếc cân đồng hồ là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Về phần dân sự: Bị hại (ông Giàng Mí G và ông Lê Cao T) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Tô Văn D, bà Ngô Thị T, ông Phạm Kim T, bà Huỳnh Thị P, bà Nguyễn Thị L) không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

Đối với hành vi trộm cắp hai con gà, mỗi con nặng 02kg của ông Hoàng Văn H vào ngày 30/8/2024 trị giá 480.000 đồng, do bị cáo chưa có tiền án, tiền sự về hành vi chiếm đoạt tài sản nên ngày 18/11/2024 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính Nông Văn V 2.500.000 đồng là phù hợp.

Tại thời điểm trộm cắp 02 con gà nêu trên bị cáo Nông Văn V bị người dân phát hiện thu giữ tang vật và bị một số người đánh gây thương tích, tỷ lệ thương tích 8%, bị cáo Võ đã tự nguyện làm đơn từ chối không yêu cầu khởi tố vụ án hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E không đề cập xử lý là phù hợp.

[5] Đối với ông Hoàng Tồn T do bị cáo Vi Văn H nhờ chở hộ tài sản đi bán;

ông Tô Văn D, bà Ngô Thị T, ông Phạm Kim T, bà Huỳnh Thị P; bà Nguyễn Thị L mua tài sản của Vi Văn H và Nông Văn V những người này không biết đó là tài sản cắp mà có, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện E không xử lý về hình sự là phù hợp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố các bị cáo **Vi Văn H** và bị cáo **Nông Văn V** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

1/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Vi Văn H** 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/8/2024.

2/ Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

- Xử phạt bị cáo **Nông Văn V** 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/8/2024.

3/ Về các biện pháp tư pháp:

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận cơ quan CSĐT Công an huyện E ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Giàng Mí G 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47P1-056.79. Ông Lê Cao T 01 mô tơ điện; 01 bình ga; 01 máy cưa xích; 01 bình ắc quy; 01 chiếc cân đồng hồ là những chủ sở hữu hợp pháp.

- Về phần dân sự: Bị hại (ông Giàng Mí G và ông Lê Cao T) và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Tô Văn D, bà Ngô Thị T, ông Phạm Kim T, bà Huỳnh Thị P, bà Nguyễn Thị L) không yêu cầu bồi thường về phần dân sự nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

4/ Về án phí: Áp dụng Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Vi Văn H và Nông Văn V là đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5/ Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện ;
- Cơ quan THA hình sự
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Bị cáo, bị hại;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Bùi Xuân Sơn

